

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam đóng cửa ở mức tăng nhẹ sau khi Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh việc cần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2020

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng giá mạnh phiên hôm nay

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

HPG, GAS

[Cập Nhật Công Ty]

GMD, MSN, PLX, HDB

[Quan điểm đầu tư]

NDT tiếp tục được khuyến nghị chỉ canh mở lại 1 phần vị thế ngắn hạn nếu VNIndex điều chỉnh sâu xuống vùng hỗ trợ 740-745

05/05/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	764.16	+0.22
VN30	711.01	+0.23
HĐTL VN30	695.30	+1.65
HNXIndex	105.41	-0.29
HNX30	201.66	-0.05
UPCoM	51.98	+0.13
USD/VND	VND23,423	-0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.98	-2
Lãi suất qua đêm (%)	2.12	+15
Dầu (WTI, \$)	22.41	+9.91
Vàng (LME, \$)	1,697.91	-0.24



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 764.16 (+0.22%)
KLGD (triệu CP) 169.2 (-31.8%)
GTGD (triệu US\$) 145.8 (-14.5%)

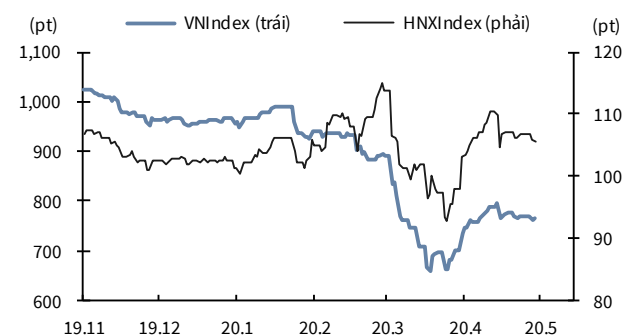
HNXIndex 105.41 (-0.29%)
KLGD (triệu CP) 26.2 (-35.0%)
GTGD (triệu US\$) 10.5 (-16.7%)

UPCoM 51.98 (+0.13%)
KLGD (triệu CP) 7.5 (-32.9%)
GTGD (triệu US\$) 4.1 (-22.8%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -5.7

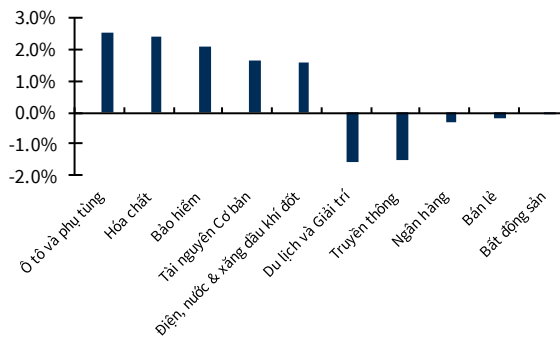
TTCK Việt Nam đóng cửa ở mức tăng nhẹ sau khi Thủ tướng Chính phủ, ông Nguyễn Xuân Phúc, nhấn mạnh việc cần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2020 để tăng trưởng kinh tế cao hơn mức 2.7% theo dự báo của IMF, đảm bảo lạm phát dưới mức 4%; đồng thời Thủ tướng cũng yêu cầu đẩy mạnh giải ngân toàn bộ vốn đầu tư công 700,000 tỷ đồng trong năm nay. Phản ứng trước thông tin trên, cổ phiếu ngành thép như HPG (+1.9%), HSG (+2%)..., và cổ phiếu ngành khu công nghiệp KBC (+4.5%), LHG (+4.3%)... đồng loạt tăng giá. Trong khi đó, với diễn biến hồi phục của giá dầu thế giới hiện giao dịch trên thị trường Châu Á, nhóm cổ phiếu dầu khí đồng loạt hồi phục ở PVD (+3%), PVS (+2.6%)..., trái ngược với xu hướng điều chỉnh ở cổ phiếu hàng không như VJC (-2.4%), HVN (-0.4%)... Với việc báo cáo của Bộ Công Thương cho thấy ngành sản xuất bia có sự sụt giảm mạnh, bộ đôi cổ phiếu ngành bia là SAB (-2.1%) và BHN (-3.3%) đồng loạt lao dốc. Cổ phiếu ngân hàng có diễn biến tiêu cực hơn so với thị trường chung với CTG (-1%), VCB (-0.9%)... giảm điểm. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục có phiên bán ròng ở HPG (+1.9%), STB (-0.1%), NVL (0%)...

VN Index & HNX Index



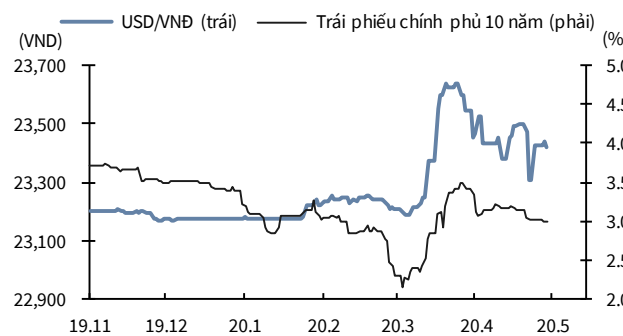
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



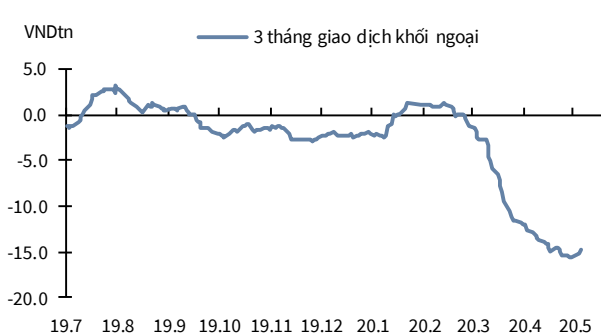
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	711.01 (+0.23%)
VN30F1M	695.3 (+1.65%)
Mở cửa	689.0
Cao nhất	698.0
Thấp nhất	688.2
KLGD	191,187 (-5.9%)

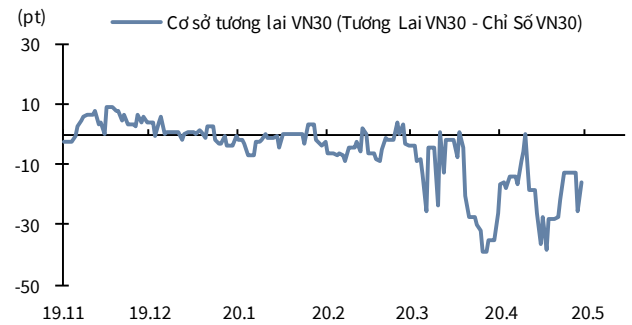
Các HĐTL đồng loạt tăng giá mạnh phiên hôm nay, tương đồng với diễn biến tăng ở chỉ số VN30 Index. Với việc F2005 tăng vượt trội so với chỉ số cơ sở, chênh lệch âm của HĐ này thu hẹp đáng kể xuống còn -15.7 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục sụt giảm xuống mức thấp nhất 5 phiên trở lại đây. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên giao dịch với khối lượng ở mức trung bình, mua ròng ở F2005.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



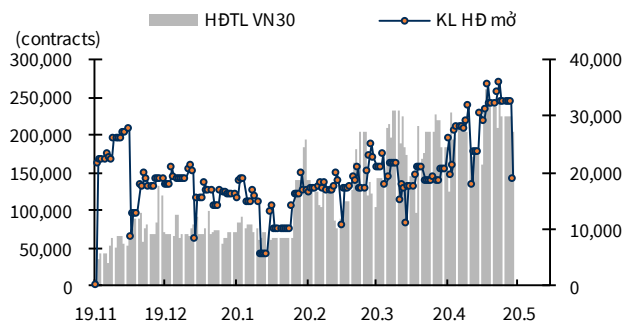
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



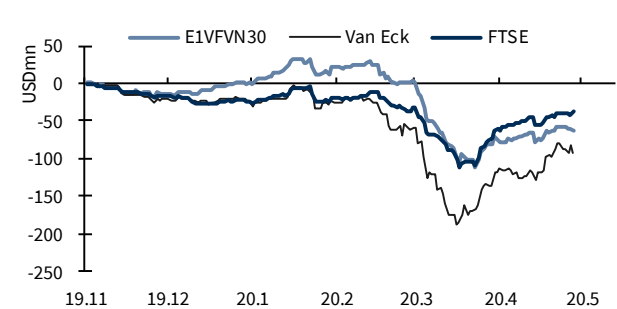
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

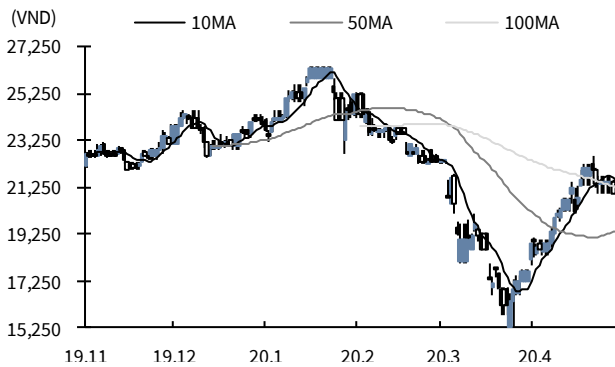
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

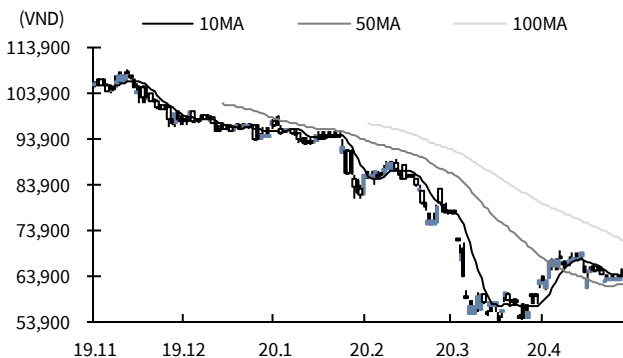
Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 1.9% lên 21,400 VNĐ/cp.
- HPG mới đây công bố tình hình kinh doanh tháng 4 với nhiều điểm sáng như sản lượng thép xây dựng đạt 270,000 tấn (+13.8% YoY), trong đó bao gồm 20,000 tấn (+17% YoY) xuất khẩu ra thị trường nước ngoài. Ngoài ra, HPG cũng đã xuất khẩu hơn 183,000 tấn phôi (+35.5% YoY), chủ yếu sang thị trường Trung Quốc, Philippines, Thái Lan. Đây là kết quả hết sức tích cực trong bối cảnh Việt Nam thực hiện giãn cách xã hội trong 3 tuần đầu tháng 4.

Tổng công ty Khí Việt Nam (GAS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GAS tăng 2.7% lên 65,500 VNĐ/cp.
- GAS công bố kế hoạch kinh doanh 2020 trong buổi họp ĐHCĐ diễn ra mới đây với các chỉ tiêu về lợi nhuận sau thuế 6,626 tỷ (-45% YoY) và doanh thu 66,164 tỷ (-12% YoY). GAS cũng cho biết kế hoạch kinh doanh này dựa trên kịch bản giá dầu bình quân 2020 ở mức 60 USD/thùng.
- GAS lên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019 với mức chia cổ tức là 45% (4,500 VNĐ/cp). Công ty cũng đặt kế hoạch chia cổ tức từ lợi nhuận 2020 ở mức 30% (3,000 VNĐ/cp).

CTCP Gemadept

Lợi nhuận suy giảm do Covid 19 và áp lực cạnh tranh

Lợi nhuận sau thuế Q1/2020 giảm 16.2% yoy do chi phí tăng

- Doanh thu Q1/2020 đạt 601 tỷ VND, giảm 4.4% yoy; biên lợi nhuận gộp giảm không đáng kể từ 39.7% Q1/2019 xuống 39.5% Q1/2020; LNST đạt 122.5 tỷ VND, giảm 16.2% yoy do: (1) Lượng hàng khai thác giảm. Mặc dù doanh thu không giảm nhiều nhưng GMD phải tăng chi phí khác để giữ khách khiến chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp tăng 17% yoy (2) Chi phí tài chính tăng 27% yoy.

Lượng hàng cập cảng của GMD suy giảm trước áp lực cạnh tranh và ảnh hưởng của dịch Covid-19

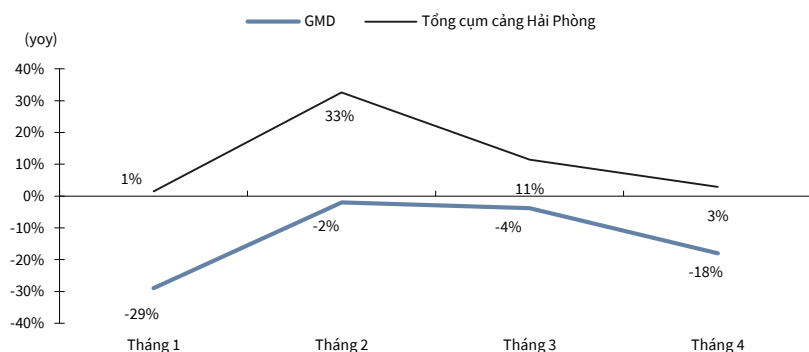
- 4 tháng đầu năm, số lượng tàu cập cảng của GMD giảm 4.7% yoy, trong đó cảng Nam Đình Vũ giảm 39.3% yoy ; tổng trọng tải cập tiếp nhận giảm 13.9% yoy. Nguyên nhân chủ yếu cho sự sụt giảm này đến từ áp lực cạnh tranh tại cụm cảng Hải Phòng, đặc biệt là cụm cảng Lạch Huyện. Bên cạnh đó, một lượng lớn khách hàng của GMD tại khu vực Hải Phòng đến từ Trung Quốc và Hồng Kông là những nơi chịu ảnh hưởng lớn bởi dịch Covid-19. KBSV đánh giá diễn biến giảm lượng hàng của GMD tại khu vực Hải Phòng sẽ tiếp tục diễn ra trong ngắn hạn dựa trên: (1) Cầu cảng 1-2 tại cụm Lạch Huyện chạy hết công suất; (2) Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến ngành cảng biển sẽ phản ánh rõ ràng hơn trong Q2/2020.

Tạm dừng dự án Nam Đình Vũ Giai đoạn 2

- Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến toàn ngành vận tải biển, hiện tại ban lãnh đạo GMD quyết định hoãn dự án Nam Đình Vũ Giai Đoạn 2, thời gian khởi động lại sẽ phụ thuộc vào diễn biến hồi phục của lượng hàng qua cảng sau dịch. Theo GMD, việc dừng dự án chưa có tác động lớn đến tình hình tài chính của doanh nghiệp do chưa tiến hành vay nợ để tài trợ dự án. Trong khi đó, dự án Gemalink vẫn đang được triển khai đúng tiến bộ, dự kiến thời gian hoàn thiện và đi vào vận hành vào Q4/2020.

Tổng trọng tải cập cảng của GMD suy giảm trong 4 tháng đầu năm so với cùng kì trong khi đó cụm cảng Hải Phòng vẫn duy trì tăng trưởng, đặc biệt cao trong tháng 2 là thời điểm lượng hàng dồn về nhiều trước diễn biến xấu của dịch Covid-19.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng trọng tải cập cảng theo tháng



Nguồn: Cảng vụ Hải Phòng

CTCP Tập đoàn Masan (MSN)

Quý 1 lỗ nhưng doanh thu hợp nhất vẫn tăng gấp đôi

Lợi nhuận quý 1 báo cáo lỗ 216 tỷ đồng nhưng vẫn tăng gấp đôi doanh thu

— Tập đoàn MSN báo cáo lợi nhuận lỗ 216 tỷ đồng so với 1,000 tỷ đồng cùng kỳ năm ngoái và doanh thu tăng gấp đôi lên 17,632 tỷ đồng (+116% YoY) với việc hợp nhất *VinCommerce* và tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ từ các công ty con, trừ *Masan Resources*. Mức lỗ trên là do: 1) khoản nợ cho thương vụ mua lại *VinCommerce* đã tăng thêm 254 tỷ đồng chi phí tài chính (tăng 54% YoY); 2) hợp nhất các khoản lỗ từ *VinCommerce*; 3) giá hàng hóa toàn cầu thấp tác động tiêu cực đến *Masan Resources*; và 4) tăng chi phí cho việc kinh doanh thịt có thương hiệu tại *Masan MEATLife*. Doanh thu tăng hơn hai lần chủ yếu là do: 1) đưa *VinCommerce* vào kết quả hợp nhất và cũng tăng trưởng hai chữ số doanh thu cửa hàng hiện hữu tại các thị trường lớn; 2) tăng trưởng 22% doanh thu của *Masan Consumer*; và 3) mở rộng quy mô kinh doanh ngành thịt tại *Masan MEATLife*.

Kinh doanh bán lẻ và tiêu dùng vẫn hoạt động tốt bất chấp dịch COVID-19 nhưng giá khoáng sản giảm

- *VinCommerce*: EBITDA quý 1 âm 446 tỷ đồng, tuy nhiên biên EBITDA đã cải thiện đáng kể từ mức (9.1%) vào Q1/2019 lên mức (5.1%) vào Q1/2020 nhờ biên lợi nhuận gộp cao hơn và giảm chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp. Tăng trưởng doanh thu rất ấn tượng ở mức 40.3% YoY trong Q1/2020 sau khi ban lãnh đạo đã đạt được thành công trong: i) tăng trưởng doanh thu cửa hàng hiện hữu (SSSG) hai chữ số tại Hà Nội (13%) và thành phố cấp 1 (+12%) và tăng trưởng vững chắc tại TP.HCM (+6%); ii) đóng góp doanh thu của 27 siêu thị *VinMart* (20% của tổng số cửa hàng) và 1,192 siêu thị mini *VinMart+* (42% của tổng số cửa hàng), gia tăng doanh thu trên mỗi cửa hàng thông qua chiến lược cao cấp hóa; và iii) tối ưu hóa mạng lưới điểm bán của VCM bằng cách đóng cửa các cửa hàng hoạt động kém hiệu quả để duy trì tăng trưởng doanh số mạnh mẽ trong thời gian mở rộng cửa hàng mới chậm lại.
- *Masan Consumer*: Doanh thu thuần tăng trưởng 22.4% nhờ tăng trưởng 59.7% của ngành hàng thực phẩm tiện lợi (chủ yếu là dự trữ mì ăn liền trong giai đoạn dịch) và tăng trưởng gấp 3 lần của ngành hàng thịt chế biến (giá bán trung bình cao hơn từ xúc xích cao cấp). Chiến lược cao cấp hóa và đô thị hóa thúc đẩy doanh thu tăng trưởng 75.0% trong kênh bán lẻ hiện đại.
- *Masan MEATLife*: Lỗ ròng 31 tỷ đồng trong quý 1 do đầu tư vẫn ở mức cao để kinh doanh thịt mát đạt được quy mô hoạt động và nhận diện về thương hiệu lớn hơn. Doanh thu tăng 6.4% lên 3,397 tỷ đồng do doanh thu thức ăn gia súc giảm vì quy mô đàn heo chưa hồi phục sau dịch tả heo Châu Phi (ASF) nhưng kinh doanh thịt mát vẫn tăng 85% QoQ đạt 453 tỷ đồng.
- *Masan Resources*: Doanh thu thuần trải qua sự sụt giảm 10.4% do giá khoáng sản vẫn ở mức thấp do đại dịch Covid-19.

05/05/2020

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất
Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Petrolimex (PLX)

Q1 ghi nhận lỗ do dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Q1 ghi nhận lỗ do trích lập hàng tồn kho

— Q1 20 PLX ghi nhận lỗ 1.8 nghìn tỷ (vs. lợi nhuận Q1 19 là 1.3 nghìn tỷ) trên doanh thu đạt 38.5 nghìn tỷ (giảm 8.3% YoY) do 1) trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 1.6 nghìn tỷ do giá sản phẩm lọc lọc giảm giá và 2) tổng sản lượng bán lẻ giảm do COVID-19. Về việc ghi nhận dự phòng, vì giá bán lẻ 15 ngày (1/4- 15/4) thấp hơn trung bình hàng tồn kho cuối kỳ Q1, PLX phải ghi nhận 1.6 nghìn tỷ chi phí dự phòng hàng tồn kho; tuy nhiên, nếu giá bán lẻ phục hồi, PLX có thể hoàn nhập lại chi phí dự phòng này trong quý kế. Sản lượng Q1 giảm khoảng 10% vì COVID-19 đã làm giảm số lượng vận chuyển hành khách (giảm 6% YoY) và doanh thu dịch vụ du lịch (giảm 27.8% YoY).

Tiếp tục mở rộng chuỗi COCOs

— Trong Q1, PLX đã mở 28 chuỗi COCOs (Công ty sở hữu – Công ty vận hành) và đang sở hữu 2780 COCOs và 3000 DODOs (Nhà phân phối sở hữu – Nhà phân phối vận hành). Ban lãnh đạo vẫn đang tiếp tục tìm kiếm cơ hội M&A để mở rộng chuỗi COCOs, càng thuận lợi trong tình hình khó khăn do COVID-19, do chiến lược tập trung thị trường bán lẻ (biên lợi nhuận cao) thông qua kênh COCOs thay vì bán sỉ thông qua DODOs.

Đề xuất giảm thuế môi trường có thể tăng sản lượng bán lẻ

— Thuế môi trường cho xăng và các sản phẩm dầu lần lượt đạt 4000 VND và 2000 VND, chiếm khoảng 20-32% giá bán lẻ xăng dầu. Vào 10/4, Bộ Công Thương Việt Nam (MOIT) đã đề xuất với chính phủ về việc giảm thuế môi trường với xăng dầu. Vì vậy, giá bán lẻ có thể tiếp tục giảm (việc này không ảnh hưởng gì đến lợi nhuận) kích thích nhu cầu của khách hàng.

05/05/2020

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)
Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com
Chuyên viên phân tích Ngân hàng Tài chính
Nguyễn Thị Thu Huyền

Ngân hàng TMCP HDBank

Tăng trưởng tín dụng thúc đẩy kết quả kinh doanh Quý 1

Lợi nhuận Quý 1 tăng 14% nhờ vào sự tăng tốc của tăng trưởng tín dụng

— Nhờ tín dụng vẫn giữ được đà tăng trưởng tốt, đạt 16.3% YoY trong so với mức 10.7% YoY trong Quý 4/2019 và tăng 5.9% từ cuối năm 2019, lợi nhuận sau thuế Quý 1 của HDBank vẫn đạt 1,001 tỷ đồng, tăng 14% YoY. Bên cạnh đó, cho vay khách hàng cũng vẫn giữ mức tăng trưởng tích cực, đạt 18.2% YoY so với mức 18.8% YoY trong Quý 4/2019 và tăng 4.2% từ cuối năm 2019. Ban lãnh đạo tiếp tục xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược với các doanh nghiệp lớn để duy trì tăng trưởng tín dụng (tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ trong Quý 1 của HDBank một phần nhờ vào các thỏa thuận cho vay đã ký kết với các đối tác chiến lược vào cuối năm 2019).

Nhưng những dấu hiệu suy giảm về chất lượng tài sản cũng bắt đầu xuất hiện

— Mặc dù tín dụng vẫn tăng trưởng mạnh, nợ xấu tăng lên 1.47% trong Quý 1 so với mức 1.36% trong Quý 4/2019. Chất lượng tài sản suy giảm còn được thể hiện rõ hơn ở tỷ lệ nợ xấu và nợ cần chú ý khi tỉ lệ này tăng từ 2.94% quý trước lên 3.08%. Tuy chất lượng tài sản suy yếu nhưng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng giảm xuống còn 222 tỷ đồng (+ 29% YoY / -28% QoQ), bao phủ 0.19% tổng dư nợ so với mức 0.28% tổng dư nợ cuối năm 2019. Điều này đẩy tỉ lệ bao phủ nợ xấu xuống 74.5% từ mức 81.4% trong Quý 4/2019 và tỉ lệ cho nhóm nợ xấu và nợ cần chú ý xuống 35.6% so với mức 37.8% trong Quý 4/2019

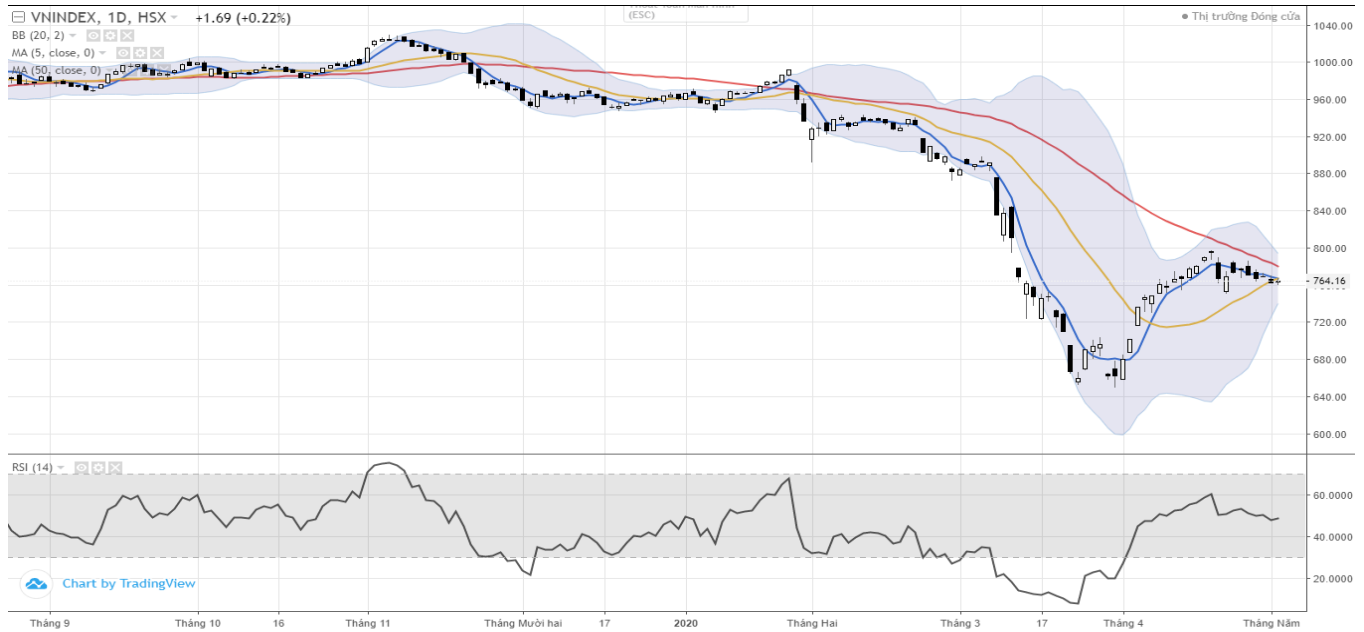
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ cố định nhưng chi phí tăng cao là vấn đề cần chú ý

— Thu nhập dịch vụ hầu như không thay đổi so với Quý 4/2019 (tăng 11.5% YoY / giảm 1.6% QoQ) khi các ngân hàng cắt giảm phí dịch vụ dưới để hỗ trợ khách hàng trong dịch COVID-19. Chi phí hoạt động cần chú ý khi chi phí cho nhân viên tăng bất thường, tăng 64% YoY làm cho tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) tăng vọt lên 51.0% trong Quý 1/2020 từ mức 46.1% cùng kỳ năm ngoái.

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

Xu Hướng Kỹ Thuật

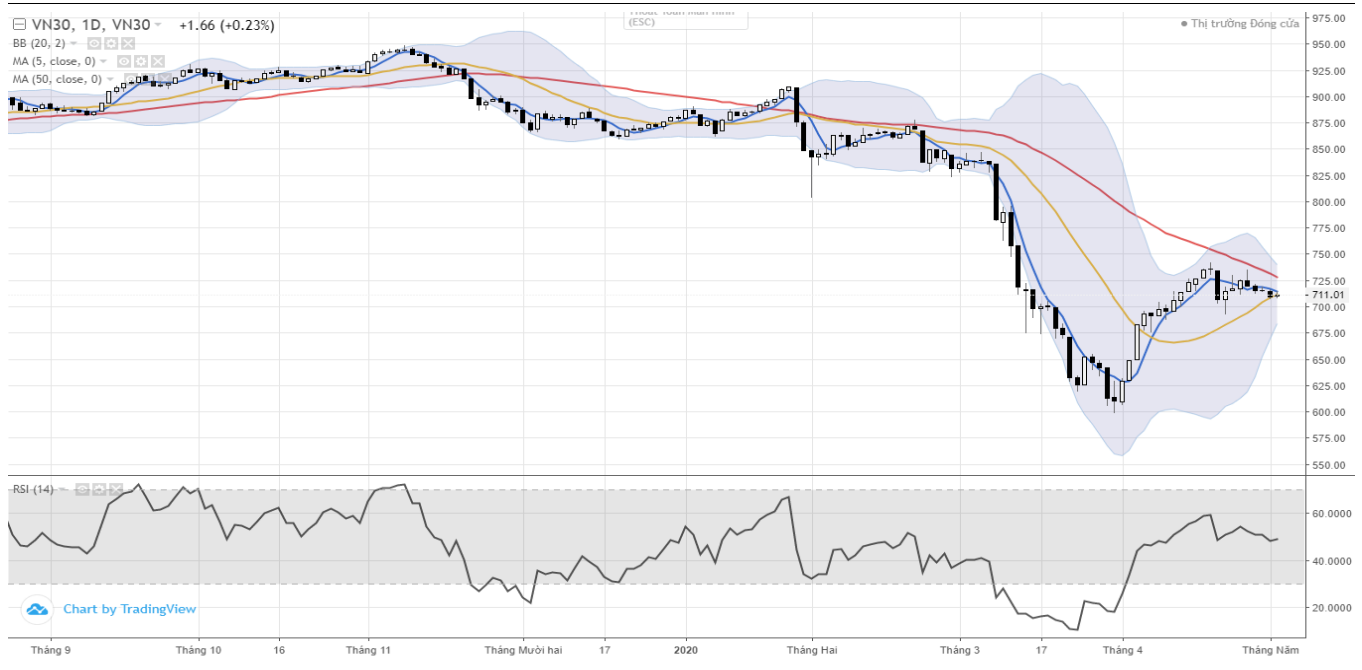
Thị Trường Cơ Sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

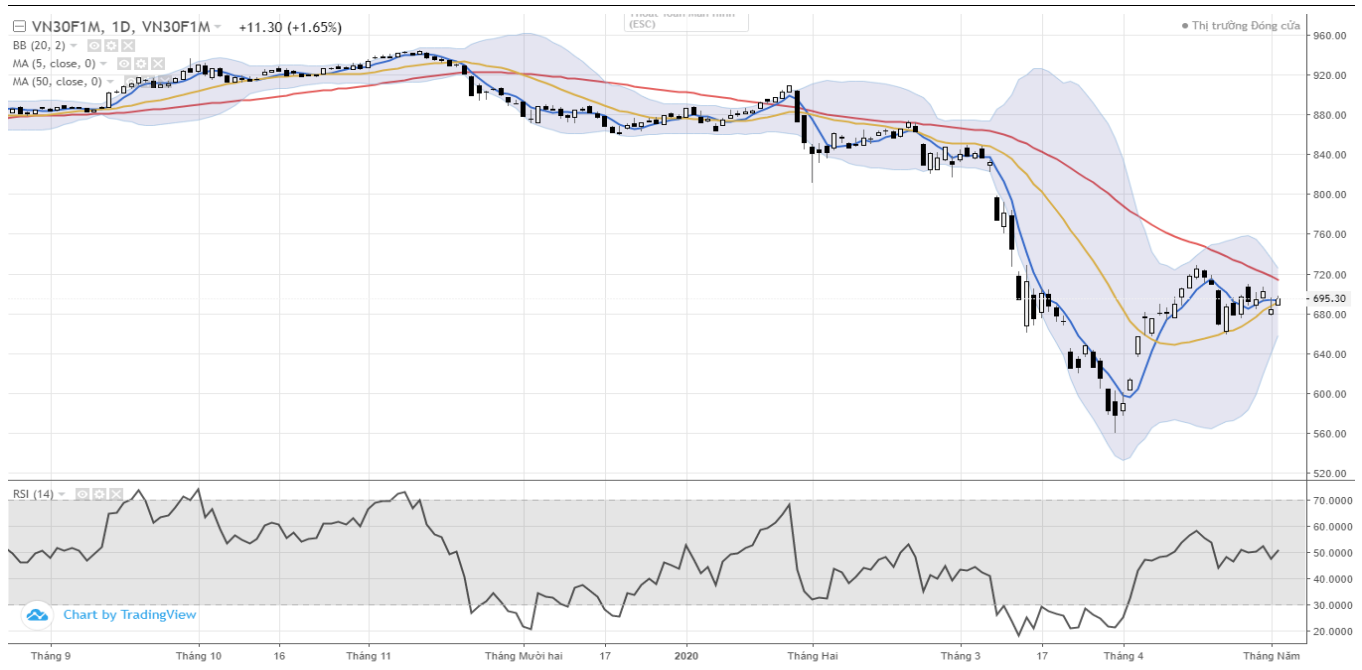
- Những nỗ lực phục hồi vào cuối phiên giúp chỉ số VNIndex tránh được nhịp giảm điểm.
- Dù vậy, chỉ số vẫn đang vận động sát cạnh dưới mô hình tam giác cân và điều này khiến chúng tôi duy trì cảnh báo về rủi ro phá vỡ mô hình theo chiều giảm điểm.
- NĐT tiếp tục được khuyến nghị chỉ canh mở lại 1 phần vị thế ngắn hạn nếu VNIndex điều chỉnh sâu xuống vùng hỗ trợ 740-745.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp Đồng Tương Lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 có diễn biến khởi sắc hơn vào cuối phiên hôm nay, đặc biệt là những nhịp hồi phục "ngược dòng" trong phiên của F1 đã giúp thu hẹp đáng kể độ lệch âm.
- Diễn biến đi ngang theo mô hình tam giác cân vẫn đang được duy trì với cả 2. Tuy nhiên khi VN30 vẫn còn vận động sát cận dưới, rủi ro phá vỡ mô hình theo chiều đi xuống sẽ tiếp tục cần được lưu ý.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục ưu tiên mở vị thế SHORT trong ngày ở các vùng kháng cự gần trên khung giờ và chỉ cân nhắc mở vị thế LONG nếu VN30 rơi xuống vùng hỗ trợ 68x.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

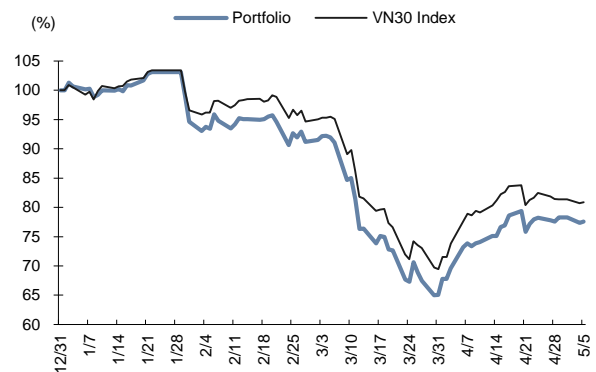
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.23%	0.33%
Tăng lũy kế (YTD)	-19.12%	-22.41%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 05/05/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	79,300	-0.1%	-31.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	22,400	-0.4%	-16.4%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	56,000	-0.9%	-26.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	15,800	-0.3%	-19.9%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	30,000	14%	-11.8%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	50,900	0.8%	32.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	19,850	-1.0%	-18.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	111,500	-2.4%	-13.7%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,400	1.9%	-8.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	12,900	4.5%	-5.8%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	-2.0%	14.7%	26.0
VNM	3.0%	58.4%	23.6
KDH	0.5%	44.2%	7.1
PLX	0.8%	13.1%	5.5
PHR	1.7%	8.7%	3.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	1.9%	36.7%	-23.7
STB	-0.1%	9.9%	-22.5
NVL	0.0%	6.0%	-15.8
CTG	-1.0%	29.6%	-12.3
DPM	-1.5%	15.1%	-12.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HAD	4.8%	9.8%	0.3
LAS	1.6%	2.0%	0.2
PVI	0.0%	54.3%	0.2
VCG	-1.2%	0.5%	0.2
SLS	-0.4%	3.5%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	2.6%	14.3%	-7.7
SHB	-2.6%	7.9%	-1.1
SHS	0.0%	9.4%	-0.7
PVC	0.0%	12.1%	-0.7
BVS	-1.2%	27.2%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	5.8%	TCH, SVC
Dầu khí	2.3%	PLX, PVD
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.8%	GAS, CHP
Ngân hàng	0.5%	CTG, HDB
Công nghệ thông tin	0.3%	FPT, ICT

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-6.0%	YEG, PNC
Thực phẩm và đồ uống	-3.7%	SAB, MSN
Dịch vụ tài chính	-2.2%	FIT, HCM
Bán lẻ	-2.1%	MWG, FRT
Bảo hiểm	-1.8%	BVH, BIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	18.7%	GVR, DCM
Du lịch và Giải trí	16.5%	HVN, VJC
Ô tô và phụ tùng	15.0%	TCH, SVC
Tài nguyên Cơ bản	13.1%	HPG, HSG
Y tế	10.4%	DHG, PME

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-3.6%	BVH, BIC
Bất động sản	-1.8%	VIC, VHM
Ngân hàng	-1.3%	BID, VCB
Truyền thông	2.9%	PNC, YEG
Dịch vụ tài chính	3.1%	FIT, HCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	92,700	313,551 (13,386)	90,872 (3.9)	22.6	41.8	24.8	31.3	8.8	12.4	3.7	3.2	1.0	-0.3	1.9	-19.4
	VHM	VINHOMES JSC	63,600	209,213 (8,932)	80,827 (3.4)	34.3	7.9	6.5	35.3	38.5	32.5	2.5	1.8	-2.0	-2.2	10.2	-25.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	23,550	53,513 (2,285)	75,481 (3.2)	17.6	18.8	14.7	10.2	10.2	11.7	1.9	1.7	0.4	-1.9	20.8	-30.7
	NVL	NO VA LAND INVES	52,800	51,192 (2,186)	39,777 (1.7)	32.3	17.4	18.6	-11.3	12.0	11.8	2.1	1.8	0.0	-0.4	1.7	-11.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	21,000	11,433 (488)	12,430 (0.5)	4.8	9.9	8.7	16.8	14.6	15.2	1.4	1.3	0.5	2.4	14.8	-21.9
	DXG	DAT XANH GROUP	9,400	4,877 (208)	30,139 (1.3)	8.9	4.5	4.0	-11.5	12.3	15.2	0.6	0.6	0.5	-1.7	13.1	-35.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	66,800	247,753 (10,577)	105,233 (4.5)	6.4	14.1	11.6	16.7	20.4	20.2	2.6	2.2	-0.9	-3.0	2.0	-25.9
	BID	BANK FOR INVESTM	35,300	141,977 (6,061)	42,482 (1.8)	12.3	18.9	15.0	5.8	11.9	11.5	1.8	1.6	0.0	-1.9	2.9	-23.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	17,400	60,902 (2,600)	32,028 (1.4)	0.0	5.6	4.8	8.2	16.9	17.4	0.8	0.7	0.0	1.8	9.8	-26.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	19,850	73,910 (3,155)	119,764 (5.1)	0.4	8.5	6.0	28.8	12.3	15.0	0.9	0.8	-1.0	3.4	5.6	-5.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	20,350	49,608 (2,118)	94,496 (4.0)	0.6	5.4	4.7	10.3	19.3	18.0	1.0	0.8	1.5	-0.7	16.0	1.8
	MBB	MILITARY COMMERC	15,800	38,101 (1,627)	100,174 (4.3)	0.0	4.4	3.9	15.0	20.3	20.2	0.8	0.7	-0.3	-1.6	7.1	-24.0
	HDB	HDBANK	21,650	20,912 (893)	35,025 (1.5)	8.6	5.8	4.8	13.8	20.6	20.2	0.9	0.8	0.5	5.1	10.7	-21.4
	STB	SACOMBANK	8,970	16,179 (691)	83,394 (3.6)	13.8	6.9	5.4	39.1	9.4	10.8	0.6	0.5	-0.1	-1.4	7.4	-10.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	17,600	14,372 (614)	1,996 (0.1)	0.0	3.8	3.6	44.5	25.7	21.6	0.9	-	1.1	-0.6	5.1	-16.4
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,000	18,441 (787)	6,266 (0.3)	0.0	32.3	30.9	-6.9	3.6	3.6	1.1	1.1	-0.3	-2.0	-1.3	-15.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	45,000	33,405 (1,426)	28,791 (1.2)	20.3	27.4	20.2	1.0	6.9	9.0	1.7	1.6	2.0	-4.3	6.4	-34.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,400	2,046 (087)	9,191 (0.4)	12.9	-	-	-	-	-	-	-	3.7	9.3	44.5	-9.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	12,650	7,602 (325)	44,979 (1.9)	48.8	7.8	7.1	-11.9	10.5	10.6	-	-	-0.4	-4.5	10.7	-18.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	18,500	3,039 (130)	8,808 (0.4)	66.2	-	-	-	14.1	-	-	-	4.2	0.5	23.3	-37.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	15,900	4,854 (207)	33,882 (1.4)	45.2	9.3	5.5	-16.4	12.5	17.7	1.0	0.9	2.6	-7.3	25.2	-25.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	10,700	2,232 (095)	10,619 (0.5)	12.1	-	-	-	8.6	-	-	-	-0.5	-1.8	-4.0	-25.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	100,500	175,008 (7,472)	151,854 (6.5)	41.6	17.8	16.4	3.7	38.2	38.8	6.0	5.4	3.0	-2.2	5.8	-13.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	151,700	97,282 (4,153)	18,756 (0.8)	36.7	21.2	17.9	7.5	24.3	26.5	4.8	4.3	-2.1	-15.7	21.4	-33.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	56,400	65,929 (2,815)	85,266 (3.6)	13.0	24.9	19.6	-30.3	7.4	8.3	1.6	1.4	-1.6	-5.2	7.8	-0.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,950	14,356 (613)	2,698 (0.1)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	0.4	1.2	5.3	-6.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	111,500	58,408 (2,494)	35,163 (1.5)	11.3	13.8	11.6	-9.5	25.6	27.3	3.4	3.0	-2.4	-3.2	11.6	-23.7
	GMD	GEMADEPT CORP	18,000	5,345 (228)	8,469 (0.4)	0.0	13.1	11.4	-53.2	7.3	8.3	0.9	0.9	0.0	3.2	18.4	-22.7
	CII	HO CHI MINH CITY	19,400	4,808 (205)	22,512 (1.0)	24.4	10.7	9.7	133.4	9.3	9.6	1.0	1.0	0.5	1.8	3.5	-13.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,590	2,038 (087)	74,248 (3.2)	46.5	-	-	-	-	-	-	-	2.0	-3.2	-3.5	-79.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	15,050	7,348 (314)	20,770 (0.9)	33.7	8.8	6.6	-12.1	9.6	15.5	1.0	1.0	0.3	-7.4	8.3	-22.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	61,000	4,654 (199)	16,858 (0.7)	2.6	8.3	8.2	-39.4	6.4	6.8	0.6	0.5	0.0	0.7	26.4	18.9
	REE	REE	30,000	9,302 (397)	19,268 (0.8)	0.0	5.5	4.7	-2.8	14.9	15.6	0.8	0.7	1.4	-2.0	4.0	-17.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	65,500	125,364 (5,352)	58,556 (2.5)	45.7	15.5	12.6	-17.6	15.4	19.8	2.5	2.4	2.7	0.6	10.6	-30.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	19,950	5,743 (245)	10,017 (0.4)	31.4	8.1	7.6	-2.9	16.9	18.4	1.3	1.3	-0.5	-3.4	17.0	-7.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,500	7,855 (335)	5,081 (0.2)	32.5	7.9	8.4	-8.0	16.6	15.4	1.3	1.2	0.6	-3.7	10.4	-8.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	21,400	59,087 (2,523)	159,068 (6.8)	12.3	7.1	5.5	-1.7	17.2	19.1	1.1	0.9	1.9	-3.2	21.2	-8.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	13,400	5,244 (224)	39,622 (1.7)	33.9	9.6	8.9	-4.9	7.9	7.8	0.6	0.6	-1.5	-10.7	8.1	3.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	8,050	4,262 (182)	13,907 (0.6)	47.2	9.9	21.9	-14.7	7.8	3.5	0.7	0.7	1.9	3.9	41.5	23.8
	HSG	HOA SEN GROUP	7,700	3,422 (146)	46,430 (2.0)	31.5	8.7	6.5	0.0	7.0	8.5	0.5	0.5	2.0	6.1	55.5	3.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,100	2,072 (088)	29,938 (1.3)	36.6	5.2	8.9	51.8	14.8	9.0	0.6	0.5	3.9	-5.5	17.5	-4.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	40,400	48,109 (2,054)	56,520 (2.4)	6.9	12.8	11.5	6.8	17.0	19.8	2.3	2.0	0.7	-2.3	1.3	-27.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	9,510	4,005 (171)	61,558 (2.6)	35.4	30.8	12.2	-7.6	0.9	1.8	0.3	0.3	3.0	1.3	26.1	-36.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	9,720	2,736 (117)	23,064 (1.0)	23.0	5.2	4.7	-9.6	11.5	12.2	0.6	0.5	0.7	-5.2	12.9	-42.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	79,300	35,908 (1,533)	129,877 (5.5)	0.0	8.9	7.2	15.4	29.9	30.7	2.3	1.8	-0.1	-4.5	21.3	-30.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	56,000	12,611 (538)	50,655 (2.2)	0.0	12.1	10.1	6.3	23.6	23.1	2.4	2.0	-0.9	-5.9	7.9	-34.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	53,500	1,579 (067)	1,822 (0.1)	68.8	22.5	16.4	-28.1	6.7	8.5	1.4	1.4	-1.8	-8.9	7.6	44.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	19,800	1,564 (067)	15,522 (0.7)	9.0	10.4	9.6	-33.4	11.1	10.6	1.0	0.8	0.0	-14.3	55.9	-5.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	44,050	5,969 (255)	37,049 (1.6)	40.3	5.6	5.1	30.3	38.0	35.0	2.0	1.6	1.7	2.2	21.2	15.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	93,800	12,264 (524)	2,810 (0.1)	45.7	19.1	17.7	4.1	19.5	19.2	3.4	3.2	-0.3	2.3	14.7	2.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	59,900	4,493 (192)	1,221 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	1.2	11.5	10.3
IT	FPT	FPT CORP	50,900	34,697 (1,481)	95,749 (4.1)	0.0	10.4	9.0	17.2	24.1	25.0	2.2	2.0	0.8	-0.2	14.1	-12.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.